

TÁC ĐỘNG GIÁ TRỊ SỬ DỤNG CỦA PHẦN MỀM KẾ TOÁN ĐẾN ĐỘ CHÍNH XÁC CỦA THÔNG TIN TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP

NGUYỄN THỊ MAI HUONG*, NGUYỄN KHÁNH NGỌC

Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

** Tác giả liên hệ: huongntm@@hub.edu.vn*

DOIs: <https://www.doi.org/10.46242/jstih.v73i1.5292>

Tóm tắt: Bài viết này đã áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để phân tích kết quả trả lời hợp lệ của 159 phiếu khảo sát thu thập được của khách hàng doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa để đánh giá tác động của mức độ hài lòng về giá trị sử dụng của phần mềm kế toán đến mức độ chính xác thông tin tài chính khi họ sử dụng phần mềm kế toán từ công ty cung cấp dịch vụ. Kết quả nghiên cứu chỉ ra các nhân tố như: Chức năng và tính năng, Giao diện và tính dễ sử dụng, Chi phí và lợi ích kinh tế, Hỗ trợ kỹ thuật từ nhà cung cấp có tác động tích cực đáng kể đến độ chính xác của thông tin tài chính. Từ kết quả kiểm định, bài viết đưa ra một số khuyến nghị để tối ưu hóa hơn nữa việc triển khai hệ thống kế toán trên nền tảng công nghệ thông qua hoàn thiện chức năng và tính năng sử dụng cũng như khai thác triệt để giá trị hỗ trợ của các đơn vị cung ứng của phần mềm kế toán.

Từ khóa: phần mềm kế toán, thông tin tài chính, tính chính xác thông tin tài chính.

1. GIỚI THIỆU

Các nghiên cứu trước đây đã được thực hiện về tác động của phần mềm kế toán đến hiệu quả hoạt động của tổ chức (Hashmicro, 2019; Al-Delawi AS & Ramo, 2020), trong khi một số phát hiện cho thấy phần mềm kế toán tác động tích cực đến hiệu quả kinh doanh, chất lượng thông tin báo cáo tài chính (Al-Delawi AS & Ramo, 2020; Chong & Nizam, 2018), thì những phát hiện khác lại có kết quả trái ngược nhau (Fadzilah, 2017; Hashmicro, 2019) và tạo ra các khoảng trống nghiên cứu. Trong quá trình thực hiện bài viết, chúng tôi rất khó tìm thấy được những nghiên cứu về tác động của phần mềm kế toán đến mức độ chính xác của thông tin tài chính nói chung và thực hiện nghiên cứu tại Việt Nam nói riêng. Do đó, bài viết đã sử dụng một cách tiếp cận trên quan điểm của khách hàng sử dụng, đó là mức độ thỏa mãn chất lượng sử dụng phần mềm kế toán thông qua mức độ đạt được về giá trị sử dụng phần mềm đảm bảo tính chính xác của thông tin tài chính và đặt trong mối quan hệ xem xét với chi phí, lợi nhuận và sự tiện lợi.

Tại Việt Nam, nghiên cứu của Đào Thị Thúy Hằng (2022) cho rằng, gian lận báo cáo tài chính là quá trình doanh nghiệp làm sai trái các thông tin tài chính nhằm che giấu những sai phạm trong kinh doanh, điều đó làm ảnh hưởng tính chính xác và ảnh hưởng đến cung cấp thông tin tài chính hữu ích về doanh nghiệp cho các nhà đầu tư hiện tại và tiềm năng, người cho vay và các chủ nợ khác trong việc đưa ra quyết định về việc cung cấp nguồn lực cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW (22/12/2024) của Bộ Chính trị là một bước ngoặt quan trọng. Nghị quyết hướng tới đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đồng thời đặt mục tiêu cụ thể đến năm 2030 và tầm nhìn 2045. Theo tinh thần Nghị quyết, khoa học – công nghệ – đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xem là “xương sống” của công cuộc hiện đại hóa, góp phần thực hiện khát vọng đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Từ đây, đã đặt ra yêu cầu số hóa trong hoạt động quản trị nói chung và lĩnh vực kế toán nói riêng, đặc biệt các doanh nghiệp Việt Nam phải nâng cấp mức độ trang bị và sử dụng phần mềm kế toán nhằm giảm thiểu khía cạnh chủ quan gây ra rủi ro trong quá trình tác nghiệp chuyên môn và nâng cao độ chính xác và kịp thời thông tin tài chính của doanh nghiệp.

Nghiên cứu này được thiết kế bằng cách sử dụng các phương pháp thăm dò, mô tả và giải thích. Dữ liệu chính đã được thu thập cho nghiên cứu này với sự trợ giúp của bảng câu hỏi và bảng câu hỏi được cấu trúc theo định dạng Likert năm điểm để trích xuất dữ liệu hoặc thông tin. Để giải quyết vấn đề nghiên cứu này, bài viết sẽ tập trung vào hai nội dung chính: (i) Thứ nhất là khái quát về cơ sở lý thuyết và lược khảo các nghiên cứu trước để xây đề xuất mô hình nghiên cứu; (ii) Thứ hai là: Xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến độ chính xác của thông tin tài chính trong doanh nghiệp. Kết quả của bài viết được thực hiện nhằm chứng minh về tính chính xác của thông tin tài chính trong mối quan hệ với việc khai thác

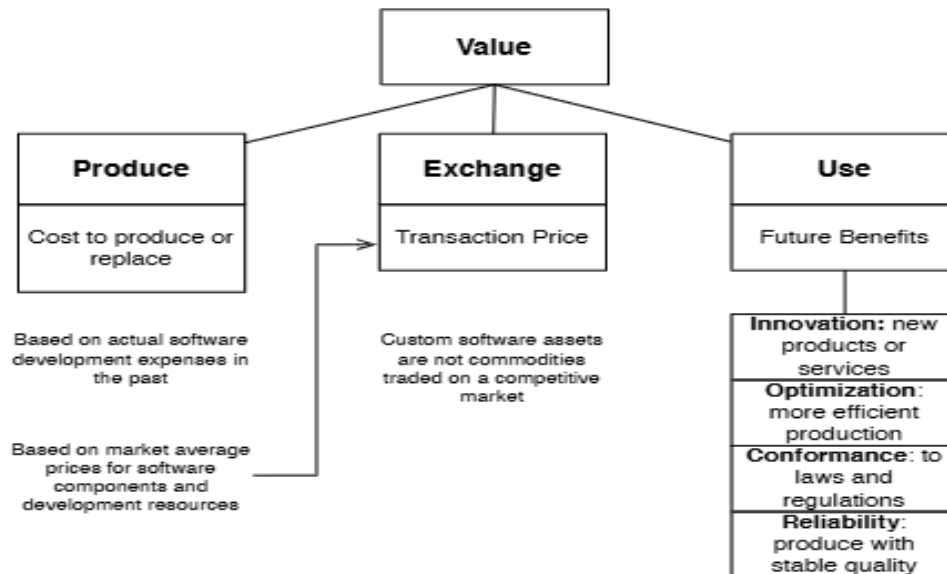
tính năng sử dụng của phần mềm kế toán được lựa chọn, qua đó doanh nghiệp cần tìm ra loại phần mềm kế toán nào là cần thiết và phù hợp để đáp ứng nhu cầu kế toán và quản lý.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Romney và Steinbart (2012) định nghĩa hệ thống thông tin kế toán (AIS) là một hệ thống thu thập, ghi chép, lưu trữ và xử lý dữ liệu để cung cấp thông tin cho người ra quyết định thông qua việc sử dụng công nghệ tiên tiến hoặc hệ thống đơn giản. Đối với Gill (2010), thuật ngữ này đề cập đến một tập hợp các bộ phận và hệ thống con được kết nối với nhau và với môi trường xung quanh. Các bộ phận và hệ thống con hoạt động như một mối quan hệ chằng chéo duy nhất giữa chúng và giữa hệ thống kết hợp chúng. Theo sự sắp xếp này, mỗi bộ phận phụ thuộc vào bộ phận kia để đạt được các mục tiêu mà hệ thống kế toán toàn diện hướng tới nhằm cung cấp dữ liệu và thông tin cho người ra quyết định. Trong khi đó, nhiều công cụ khác nhau đã được các nhà nghiên cứu sử dụng để điều tra mối quan hệ giữa chuyển đổi kỹ thuật số và hệ thống thông tin kế toán. Ví dụ, Bhimani và Willcocks (2014) chỉ ra rằng số hóa tạo ra sự chuyển đổi tiềm năng để các kế toán viên chuyển từ nhiệm vụ nhập dữ liệu sang vai trò phân tích chiến lược và sử dụng các kỹ năng trí tuệ của họ ở mức độ tối đa. Mặc dù có nhiều cơ hội từ số hóa kế toán, nhưng vẫn có nhiều vấn đề cần xem xét trước khi tiến lên phía trước, chẳng hạn như các vấn đề của tổ chức và kế toán viên liên quan đến khả năng chống lại sự thay đổi, đào tạo bổ sung cần thiết để lấp đầy khoảng cách kỹ năng và các mối đe dọa an ninh mạng. Theo Vasarhelyi và cộng sự (2015), các hoạt động kế toán hiện đại đã được cách mạng hóa bằng cách tích hợp các công nghệ mới nổi như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối, điện toán đám mây và phân tích dữ liệu. Wang D and Shao X (2024), những tiến bộ trong công nghệ đã đơn giản hóa việc thu thập và phân tích dữ liệu tài chính, tạo điều kiện thuận lợi cho việc báo cáo theo thời gian thực và phân tích dự đoán, trong đó sự chính xác và mức độ bảo mật của các thông tin tài chính là yếu tố vô cùng quan trọng trong các ứng dụng.

Và “phần mềm kế toán” là một khía cạnh của AIS đề cập đến một loại phần mềm ứng dụng ghi chép và xử lý các giao dịch kế toán trong một số mô-đun chức năng như tài khoản phải trả, tài khoản phải thu, nhật ký, sổ cái chung, bảng lương và bảng cân đối thử nghiệm. Nó có thể được phát triển nội bộ bởi đơn vị kinh doanh sử dụng nó, có thể được mua từ bên thứ ba hoặc có thể là sự kết hợp của cả hai. Phần mềm kế toán có thể trực tuyến, truy cập mọi lúc mọi nơi bằng bất kỳ thiết bị nào có kết nối Internet hoặc có thể là máy tính để bàn. Nó có sự khác biệt rất lớn về độ phức tạp và chi phí. Định nghĩa phù hợp nhất về “phần mềm kế toán” được đưa ra bởi Từ điển kế toán Barron: Phần mềm kế toán là các chương trình được sử dụng để duy trì sổ sách kế toán trên máy tính. Phần mềm có thể được sử dụng để ghi lại các giao dịch, duy trì sổ dư tài khoản và lập báo cáo và báo cáo tài chính. Giá trị sử dụng của “phần mềm kế toán” mang lại khi chúng có các đặc điểm về tính thực tế, độ chính xác, khả năng kết nối, dễ sử dụng và khả năng giao tiếp và tương tác với người dùng và các hệ thống và tổ chức cộng tác.

Giá trị của tài sản phần mềm có thể được xem xét từ ba góc độ, cụ thể là sản xuất, trao đổi và giá trị sử dụng. Theo góc độ giá trị sử dụng, một tài sản có giá trị từ việc sử dụng hiện tại hoặc tương lai, tức là từ những lợi ích mà chủ sở hữu của nó có thể tạo ra bằng cách khai thác nó. Những lợi ích điển hình của tài sản phần mềm bao gồm sự đổi mới thông qua việc giới thiệu các sản phẩm hoặc dịch vụ mới, tối ưu hóa các quy trình sản xuất hiện có, tuân thủ các tiêu chuẩn hoặc quy định và cải thiện chất lượng sản phẩm. Ví dụ, theo góc độ này, giá trị của một hệ thống phần mềm hỗ trợ quy trình kinh doanh có lợi nhuận có thể được coi là lợi nhuận sẽ tạo ra trong suốt vòng đời của hệ thống phần mềm. Việc xác định giá trị sử dụng như vậy có thể liên quan đến mức độ không chắc chắn cao và có thể thay đổi mạnh tùy thuộc vào chủ sở hữu hay người sử dụng. Và phạm vi của bài nghiên cứu sẽ đánh giá giá trị sử dụng của phần mềm kế toán đến độ chính xác của thông tin tài chính từ góc độ của người lựa chọn và sử dụng, đó là các chủ thể liên quan đến quy trình vận hành kế toán trong doanh nghiệp.



Hình 1: Các thuộc tính giá trị của phần mềm kế toán

(Nguồn: Ganyam, A.I. & Ivungu, J.A, 2019)

3. LƯỢC KHẢO CÁC NGHIÊN CỨU TRƯỚC

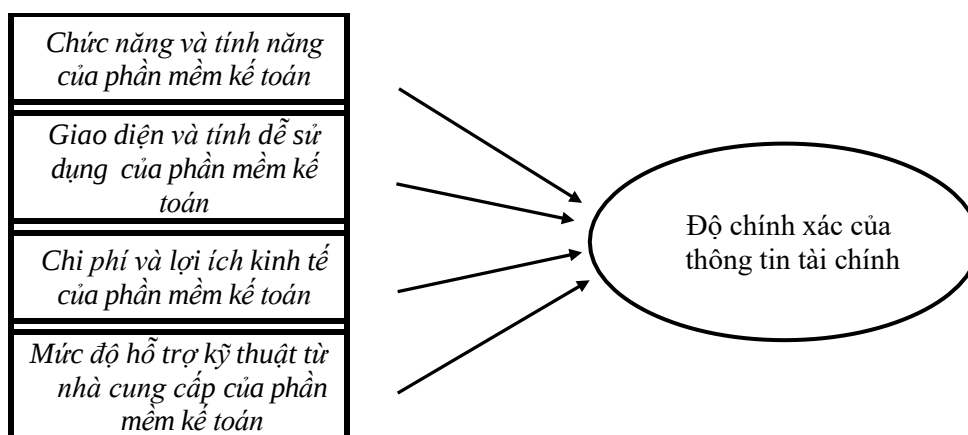
Đặc điểm thông tin thông tin của báo cáo tài chính: Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng các gói phần mềm kế toán làm tăng hiệu quả hoạt động chung, hiệu suất, độ tin cậy của dữ liệu, chất lượng và độ chính xác (Do, Nyuyen, Ha, Nyuyen, & Troung, 2020; Al-Delawi A.S & Ramo, 2020; Chong & Nizam, 2018). Một nghiên cứu do Gamlathe thực hiện (2021; Wickramasinghe, Cooray, & Dissanayake, 2017) đã chỉ ra rằng các phẩm chất của phần mềm kế toán như thân thiện với người dùng, độ tin cậy, hiệu quả, chất lượng dữ liệu và độ chính xác tác động tích cực đến hiệu suất kinh doanh bao gồm cả báo cáo tài chính cho người dùng. Đi sâu vào các nghiên cứu về nhân tố tác động đến sử dụng phần mềm kế toán có thể kể đến “Impact of Accounting Software on Financial Reporting Quality in SMEs in Kenya” (2021) của **Moses K. Nzyoka (2021)** đã sử dụng phương pháp định lượng với dữ liệu thu thập được thông qua bảng câu hỏi từ 150 doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Kenya. Kết quả nghiên cứu của Nzyoka đã khẳng định rằng phần mềm kế toán có tác động tích cực đến tất cả bốn khía cạnh của chất lượng báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Kenya “Tính chính xác - Tính kịp thời - Tuân thủ quy định - Tính minh bạch” trong đó yếu tố tính chính xác của báo cáo tài chính được xác định là yếu tố tác động tích cực nhất. Yếu tố này rất quan trọng trong việc đảm bảo rằng báo cáo tài chính của doanh nghiệp phản ánh đúng tình hình tài chính và giảm thiểu sai sót do con người gây ra. Nghiên cứu kết luận rằng phần mềm kế toán có tác động tích cực đến chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Kenya. Nghiên cứu Omotilewa Oluwatoyin Olufemi¹, Adegbe Fola Jimi Festus, Adesola Munir Adekunle (2021) tổng hợp dữ liệu nghiên cứu được lấy từ nhiều doanh nghiệp thuộc các ngành khác nhau đã khám phá tác động của phần mềm kế toán trong môi trường kinh doanh máy tính hóa đối với chất lượng báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy có bốn yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính “Độ chính xác - Tính kịp thời - Tính đầy đủ - Khả năng dễ hiểu”, trong đó yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến chất lượng báo cáo tài chính là độ chính xác. Yakubu Issahaku Said và Adam Aliu (2022), được thực hiện tại các trường đại học công lập ở miền Bắc Ghana nghiên cứu khảo sát 120 nhân viên sử dụng phần mềm kế toán trong xử lý báo cáo tài chính. Kết quả nghiên cứu cho thấy phần mềm kế toán có ảnh hưởng tích cực đến việc đạt được các đặc tính chất lượng của thông tin tài chính theo chuẩn mực IASB. Cho thấy, bốn yếu tố là “hiệu quả, tính dễ sử dụng, chất lượng dữ liệu và độ tin cậy” có ảnh hưởng đáng kể đến các đặc tính của thông tin tài chính theo Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB), trong khi độ tin cậy không có ảnh hưởng đáng kể.

Mối quan hệ giữa thông tin tài chính trên báo cáo tài chính và phần mềm kế toán: Al-Dalaian, Nizar, Ahmad và Mohamad (2016) đã đánh giá vai trò của hệ thống thông tin kế toán (AIS) trong việc đáp ứng các yêu cầu về hiệu suất tài chính và quản lý. Ganyam và Ivungu (2019) đã xem xét tác động của hệ thống thông tin kế toán đến hiệu quả tài chính của các công ty. Các phát hiện từ nghiên cứu cho thấy các nghiên

cứ trước đây về tác động của thông tin kế toán đến hiệu quả tài chính chỉ giới hạn các tác phẩm của họ theo tác động chi phí của hệ thống thông tin kế toán vì nó liên quan đến hiệu quả tài chính của các công ty. Patricia (2022) đã nghiên cứu tác động của hệ thống kế toán vi tính (CAS) đến hoạt động tổ chức của các công ty dầu khí tại Nigeria. Wickramsainghe (2017) đã thảo luận về tính rõ ràng trong việc sử dụng phần mềm kế toán của người dùng dự kiến, phù hợp dựa trên nhu cầu kế toán và kinh doanh hàng ngày của họ. Yvonne Chong (2018) đã cố gắng điều tra và khám phá tác động của phần mềm kế toán đến hiệu suất kinh doanh của các công ty Malaysia. Kumar (2019) đã nghiên cứu để giúp chủ sở hữu và quản lý công ty hiểu được tầm quan trọng của việc sử dụng hệ thống thông tin kế toán để đạt được hiệu suất kinh doanh. Kết quả cho thấy phần mềm kế toán có tác động đến hiệu suất kinh doanh. Cragg (2002) nhận thấy rằng việc liên kết chiến lược công nghệ thông tin với chiến lược kinh doanh đã làm tăng hiệu suất của công ty. Trong khi đó, các nghiên cứu tại Việt Nam có Đặng Kiều Hoa (2016), Phạm Thị Bích Thu (2021), hay Nguyễn Diên Duẩn (2022) Vũ Quốc Thông và cộng sự (2023),... thực hiện nghiên cứu theo hướng đánh giá chất lượng thông tin của báo cáo tài chính, hay kiểm định và xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố độc lập đến sự lựa chọn phần mềm kế toán và đúc kết được có 5 nhân tố đều có tác động đến nhân tố sự lựa chọn phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh là Tính năng phần mềm, Yêu cầu của người sử dụng, Ảnh hưởng xã hội, Chi phí và Nhà cung cấp phần mềm. Nghiên cứu kết luận rằng cả 5 nhân tố đã nghiên cứu đều có tác động tích cực đến sự lựa chọn phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp. Nói cách khác, tại Việt Nam, các nghiên cứu về sự tác động của phần mềm kế toán đến tính chính xác của trình bày thông tin tài chính vẫn còn khá hạn chế.

4. XÂY DỰNG MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Các vấn đề liên quan đến việc lựa chọn và sử dụng đúng chương trình phần mềm kế toán chỉ có thể được giải quyết một cách phức tạp: với việc lựa chọn các thành phần kỹ thuật được kết nối phù hợp - thiết bị đầu vào và đầu ra, bộ lưu trữ và bộ xử lý thông tin; và sau khi xem xét kỹ lưỡng tất cả các ưu và nhược điểm của phần mềm kế toán. Việc áp dụng công nghệ số cho kế toán, kiểm toán và các chức năng liên quan khác thông qua lựa chọn và sử dụng phần mềm kế toán đã đặt ra một số thách thức, chẳng hạn như thích ứng với sự thay đổi, chi phí bổ sung để thích ứng và triển khai, các vấn đề bảo mật và khoảng cách kỹ năng giữa các chuyên gia (Gulin và cộng sự, 2019). Với các chức năng và tính năng của phần mềm kế toán như tự động hóa, tích hợp dữ liệu, và báo cáo tài chính đều có thể ảnh hưởng đến độ chính xác của thông tin tài chính. Những tính năng này giúp giảm thiểu lỗi nhập liệu, tăng cường độ chính xác và tính kịp thời của thông tin. Căn cứ vào khái niệm được trình bày bởi M.I. Ajay Adhikari (2004), và kế thừa từ các nghiên cứu trước, tác giả sẽ tập trung vào việc đánh giá chức năng và tính năng, giao diện và tính dễ sử dụng, chi phí và lợi ích kinh tế và mức độ hỗ trợ kỹ thuật từ nhà cung cấp phần mềm – dựa trên những yếu tố đã được xác nhận trong các nghiên cứu trước đây để phân tích, từ đó đánh giá tác động của chúng đến độ chính xác của thông tin tài chính với 4 giả thuyết nghiên cứu và mô hình nghiên cứu như sau:



Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất

(Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả)

Bảng 1. Khung lý thuyết và thang đo của các biến nghiên cứu

Khái niệm	Tên biến quan sát	Nguồn tham chiếu
Biến phụ thuộc		
<i>Độ chính xác của thông tin tài chính</i> thể hiện mức độ tin cậy, chính xác, và đầy đủ của các báo cáo tài chính được tạo ra bởi phần mềm kế toán. Độ chính xác có thể được đo lường thông qua việc so sánh kết quả thực tế với các báo cáo tài chính, đánh giá mức độ sai sót, và khả năng phản ánh đầy đủ các giao dịch tài chính.	DCCTC 1: Các báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình tài chính của doanh nghiệp	M.I. Ajay Adhikari (2004); Moses K. Nzyoka (2021) ; Yakubu Issahaku Said và Adam Aliu (2022);
	DCCTC 2: Số liệu trong báo cáo tài chính ít có sai sót và nhầm lẫn	
	DCCTC 3: Thông tin tài chính được trình bày rõ ràng và dễ hiểu	
	DCCTC 4: Báo cáo tài chính được lập ra một cách chính xác và chi tiết	
Biến độc lập		
<i>Chức năng của phần mềm kế toán</i> là các tính năng cụ thể của phần mềm kế toán như tự động hóa các quy trình kế toán, khả năng tạo báo cáo tài chính, quản lý hóa đơn và chi phí, quản lý sổ sách kế toán, và tích hợp với các hệ thống khác.	CNTN 1: Phần mềm kế toán cung cấp các tính năng bảo mật và quản lý hóa đơn và sổ sách kế toán	M.I. Ajay Adhikari (2004); Adel và Abdallah (2013); Ismail và King (2014) Omotilewa Oluwatoyin Olufemi1, Adegbie Folajimi Festus, Adesola Munir Adekunle (2021)
	CNTN 2: Phần mềm kế toán giúp tích hợp toàn diện và chính xác dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau	
	CNTN 3: Phần mềm kế toán cung cấp thông tin chi tiết của các báo cáo tài chính đảm bảo chính xác, tin cậy, và kịp thời	
	CNTN 4: Phần mềm kế toán hỗ trợ ra quyết định quản lý hiệu quả.	
<i>Giao diện và tính dễ sử dụng của phần mềm kế toán</i> thể hiện mức độ thân thiện và dễ sử dụng của giao diện người dùng, sự dễ dàng trong việc học và sử dụng phần mềm, và sự linh hoạt trong việc điều chỉnh và cấu hình phần mềm theo nhu cầu của doanh nghiệp	GDDU 1: Giao diện phần mềm thân thiện với người dùng	M.I. Ajay Adhikari (2004); Moses K. Nzyoka (2021) ; Nguyễn Diên Duẩn (2022) Vũ Quốc Thông và cộng sự (2023)
	GDDU 2: Các chức năng của phần mềm dễ dàng thao tác và sử dụng	
	GDDU 3: Phần mềm cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng chi tiết và dễ hiểu	
	GDDU 4: Phần mềm có khả năng tùy biến cao phù hợp với nhu cầu của nhiều loại hình doanh nghiệp	
<i>Chi phí và lợi ích kinh tế khi sử dụng phần mềm kế toán</i> là khoản chi phí liên quan đến việc mua, cài đặt, và duy trì phần mềm kế toán, và các lợi ích kinh tế như giảm thiểu sai sót, tiết kiệm thời gian, và tăng hiệu suất làm việc.	CPLI 1: Chi phí triển khai phần mềm kế toán hợp lý so với lợi ích mang lại	M.I. Ajay Adhikari (2004); Adel và Abdallah (2013); Ismail và King (2014) ; Moses K. Nzyoka (2021)
	CPLI 2: Phần mềm giúp tiết kiệm chi phí vận hành	
	CPLI 3: Phần mềm giúp tối ưu hoá quy trình kế toán, giảm thiểu thời gian làm việc	
<i>Hỗ trợ kỹ thuật của Nhà cung cấp phần mềm kế toán</i> là sự hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ khách hàng từ nhà cung cấp phần mềm, bao gồm	HTKT 1: Nhà cung cấp phần mềm cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật kịp thời	M.I. Ajay Adhikari (2004); Issahaku Said và Adam Aliu (2022);
	HTKT 2: Đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật của nhà cung cấp phần mềm có chuyên môn cao	

Khái niệm	Tên biến quan sát	Nguồn tham chiếu
hỗ trợ khi gặp sự cố, cung cấp các bản cập nhật và nâng cấp phần mềm, và đào tạo người dùng.	HTKT 3: Dịch vụ bảo trì và cập nhật phần mềm được cung cấp đầy đủ và kịp thời	<i>Moses K. Nzyoka (2021)</i>

Mô hình hồi quy

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \varepsilon$$

Trong đó:

- **Y**: Độ chính xác của thông tin tài chính
- **β_0** : Hằng số
- **$\beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4$** : Hệ số hồi quy của các biến độc lập
- **X_1** : Chức năng và tính năng của phần mềm
- **X_2** : Giao diện và tính dễ sử dụng
- **X_3** : Chi phí và lợi ích kinh tế
- **X_4** : Mức độ hỗ trợ kỹ thuật từ nhà cung cấp phần mềm khi có vấn đề xảy ra
- **ε** : Sai số ngẫu nhiên

5. THẢO LUẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

5.1. Phân tích thống kê mô tả

Kỹ thuật lấy mẫu được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp lấy mẫu xác suất ngẫu nhiên. Phạm vi của bài nghiên cứu sẽ đánh giá giá trị sử dụng của phần mềm kế toán đến độ chính xác của thông tin tài chính từ góc độ của người sử dụng, đó là các chủ thể liên quan đến quy trình vận hành kế toán trong doanh nghiệp nên đối tượng tham gia khảo sát với các vị trí kế toán viên hoặc người dùng phần mềm kế toán làm việc tại các doanh nghiệp tham gia khảo sát có quy mô từ 50 đến 200 nhân viên và hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau và sử dụng phần mềm từ 1 năm trở lên. Sau khi thu thập phiếu, thực hiện loại trừ phiếu thu thập được nhiều hơn 1 lần ở cùng một doanh nghiệp, trong đó sẽ ưu tiên chọn kết quả trả lời chủ sở hữu để sử dụng, nghiên cứu thu về tổng cộng 159/206 phiếu trả lời hợp lệ.

Bảng 2: Thống kê trung bình mẫu nghiên cứu

Biến	Mẫu	Tối thiểu	Tối đa	Trung bình	Độ lệch chuẩn
DCCTC	159	1.25	5.00	3.5849	.72905
CNTN	159	1.50	5.00	3.2830	.76157
GDDU	159	2.38	5.00	3.7233	.50870
CPLI	159	1.00	5.00	3.1992	.87078
HTKT	159	1.33	5.00	3.3082	.78447

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả)

Kết quả thống kê trung bình cho thấy các chỉ số quan trọng về các biến nghiên cứu. Các biến quan sát được đo lường trên thang đo Likert 5 điểm, từ “hoàn toàn không đồng ý” (1) đến “hoàn toàn đồng ý” (5). Các biến đo lường như độ chính xác của thông tin tài chính (DCCTC), chức năng và tính năng (CNTN), giao diện và tính dễ sử dụng (GDDU), chi phí và lợi ích kinh tế (CPLI), và mức độ hỗ trợ kỹ thuật (HTKT) đều có giá trị trung bình dao động từ 3.19 đến 3.72, cho thấy các yếu tố này đều có sự đồng thuận.

5.2. Phân tích độ tin cậy qua phân tích hệ số Cronbach's Alpha

Mô hình nghiên cứu ban đầu gồm 4 biến độc lập và 1 biến phụ thuộc, bao gồm độ chính xác của thông tin tài chính (DCCTC), chức năng và tính năng (CNTN), giao diện và tính dễ sử dụng (GDDU), chi phí và lợi ích kinh tế (CPLI), và mức độ hỗ trợ kỹ thuật (HTKT). Có tổng cộng 18 biến quan sát trong 4 yếu tố

trên. Các biến quan sát trong mỗi yếu tố đều được xây dựng dưới dạng câu hỏi theo thang đo Likert 5 điểm, từ hoàn toàn không đồng ý đến hoàn toàn đồng ý. Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo của mỗi yếu tố được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3: Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến - tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Yếu tố “Độ chính xác của thông tin tài chính”: Cronbach's alpha = 0.850				
DCCTC 1	10.75	5.000	0.702	0.803
DCCTC 2	10.72	4.749	0.727	0.792
DCCTC 3	10.87	4.976	0.705	0.802
DCCTC 4	10.69	5.369	0.622	0.836
Yếu tố “Chức năng và tính năng”: Cronbach's alpha = 0.847				
CNTN 1	9.87	5.305	0.678	0.809
CNTN 2	9.95	5.529	0.713	0.794
CNTN 3	9.86	5.428	0.735	0.785
CNTN 4	9.72	5.682	0.617	0.834
Yếu tố “Giao diện và tính dễ sử dụng”: Cronbach's alpha = 0.900				
GDDU 1	11.23	4.446	0.784	0.868
GDDU 2	11.09	4.435	0.744	0.883
GDDU 3	11.13	4.419	0.809	0.859
GDDU 4	11.19	4.546	0.771	0.873
Yếu tố “Chi phí và lợi ích kinh tế”: Cronbach's alpha = 0.811				
CPLI 1	6.44	3.476	0.656	0.746
CPLI 2	11.09	4.435	0.744	0.883
CPLI 3	11.13	4.419	0.809	0.859
Yếu tố “Mức độ hỗ trợ kỹ thuật”: Cronbach's alpha = 0.805				
HTKT 1	6.63	2.855	0.620	0.765

TÁC ĐỘNG GIÁ TRỊ SỬ DỤNG CỦA PHẦN MỀM KẾ TOÁN...

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến - tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
HTKT 2	6.62	2.578	0.717	0.664
HTKT 3	6.60	2.672	0.622	0.766

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm tác giả

Qua kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo ở bảng trên, có thể thấy rằng các yếu tố độ chính xác của thông tin tài chính (DCCTC), chức năng và tính năng (CNTN), giao diện và tính dễ sử dụng (GDDU), chi phí và lợi ích kinh tế (CPLI), và mức độ hỗ trợ kỹ thuật (HTKT) đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0.8 nên các yếu tố này đều đảm bảo độ tin cậy thang đo; và mỗi thang đo đều có hệ số tương quan biến - tổng lớn hơn 0.7. Sau khi thực hiện kiểm định độ tin cậy thang đo qua hệ số Cronbach's Alpha, các thang đo đều đảm bảo độ tin cậy và các biến quan sát đều đảm bảo giải thích tốt cho tính chất của thang đo nên các thang đo và các biến quan sát đều được giữ lại để thực hiện phân tích ở các bước tiếp theo. Những phát hiện này khẳng định rằng việc sử dụng phần mềm kế toán có thể cải thiện đáng kể độ chính xác của thông tin tài chính, nhờ vào các yếu tố về chức năng, tính năng, giao diện dễ sử dụng, chi phí lợi ích kinh tế và hỗ trợ kỹ thuật.

5.3. Phân tích EFA

Bảng 4: Phân tích nhân tố khám phá EFA cho biến độc lập

Biến quan sát		Giá trị
Hệ số KMO		0.848
Kiểm định Bartlett's		0.000
Eigenvalue		1.287
Tổng phương sai trích		73.508
Nhân tố	Biến	Giá trị
1. Chức năng và tính năng	CNTN 3	0.840
	CNTN 4	0.787
	CNTN 1	0.762
	CNTN 2	0.718
2. Giao diện và tính dễ sử dụng	GDDU 1	0.885
	GDDU 3	0.874
	GDDU 4	0.850
	GDDU 2	0.842
3. Chi phí và lợi ích kinh tế	CPLI 2	0.826
	CPLI 3	0.811
	CPLI 1	0.788
4. Mức độ hỗ trợ kỹ thuật	HTKT 2	0.849
	HTKT 1	0.808
	HTKT 3	0.788

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả

Hệ số KMO là 0.848, nằm trong khoảng từ 0.5 đến 1.0, kiểm định Bartlett có giá trị sig = 0.000 nhỏ hơn 0.05, cho thấy rằng các biến quan sát có tương quan với nhau và phân tích nhân tố là phù hợp. Có 4 nhân tố được trích với tiêu chí Eigenvalue lớn hơn 1 với tổng phương sai là 73.508%. Các yếu tố này bao gồm: Giao diện và tính dễ sử dụng (22.205%), Chức năng và tính năng (19.060%), Chi phí và lợi ích kinh tế (16.466%), và Mức độ hỗ trợ kỹ thuật (15.776%). Như vậy, việc sử dụng phần mềm kế toán, thể hiện qua các biến độc lập, có tác động tích cực và mạnh mẽ đến độ chính xác của báo cáo tài chính. Các nhân tố được xác định từ phân tích nhân tố

khám phá đã giải thích phần lớn phương sai của dữ liệu, điều này chứng minh rằng những yếu tố này thực sự ảnh hưởng đến độ chính xác của thông tin tài chính.

5.4. Phân tích tương quan

Bảng 5. Kết quả phân tích hệ số tương quan

Biến		DCCTC	CNTN	GDDU	CPLI	HTKT
DCCTC	Tương quan Pearson	1	0.599**	0.415**	0.520**	0.461**
	Kiểm định Person		0.000	0.000	0.000	0.000
	Tổng biến	159	159	159	159	159
CNTN	Tương quan Pearson	0.599**	1	0.203*	0.474**	0.438**
	Kiểm định Person	0.000		0.010	0.000	0.000
	Tổng biến	159	159	159	159	159
GDDU	Tương quan Pearson	0.415**	0.203*	1	0.247**	0.153
	Kiểm định Person	0.000	0.010		0.002	0.054
	Tổng biến	159	159	159	159	159
CPLI	Tương quan Pearson	0.520**	0.474**	0.247**	1	0.351**
	Kiểm định Person	0.000	0.000	0.002		0.000
	Tổng biến	159	159	159	159	159
HTKT	Tương quan Pearson	0.461**	0.438**	0.153	0.351**	1
	Kiểm định Person	0.000	0.000	0.054	0.000	
	Tổng biến	159	159	159	159	159

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả)

Tương quan giữa biến phụ thuộc (DCCTC) và các biến độc lập: Biến CNTN (Chức năng và tính năng) có mối tương quan mạnh nhất với biến phụ thuộc DCCTC (Độ chính xác của thông tin tài chính) với hệ số tương quan $r = 0.599$. Điều này cho thấy chức năng và tính năng của phần mềm kế toán có tác động lớn đến độ chính xác của thông tin tài chính. Bên cạnh đó, các biến độc lập khác như CPLI (Chi phí và lợi ích kinh tế), HTKT (Hỗ trợ kỹ thuật), và GDDU (Giao diện dễ dùng) cũng có mối tương quan dương với DCCTC, với hệ số tương quan lần lượt là $r = 0.520$, $r = 0.461$, và $r = 0.415$. Mặc dù có mức độ tác động thấp hơn CNTN, nhưng các yếu tố này vẫn góp phần cải thiện độ chính xác thông tin tài chính khi sử dụng phần mềm kế toán.

Tương quan giữa các biến độc lập: Các biến độc lập có mối tương quan dương với nhau, nhưng với các mức độ khác nhau. CNTN có mối tương quan mạnh với CPLI ($r = 0.474$) và HTKT ($r = 0.438$), cho thấy sự tương quan giữa chức năng, tính năng của phần mềm và hỗ trợ kỹ thuật cùng với chi phí và lợi ích kinh tế có thể bị lệch. Tuy nhiên, tương quan giữa GDDU và các biến độc lập khác tương đối yếu (ví dụ, $r = 0.203$ với CNTN), cho thấy rằng yếu tố giao diện dễ dùng có mức độ độc lập tương đối cao so với các yếu tố khác.

5.5. Phân tích hồi quy

Bảng 6: Tổng quan mô hình

R - Hệ số tương quan đa biến	R ² - Hệ số xác định	Hệ số xác định điều chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Kiểm định Durbin-Watson
0.724	0.524	0.512	0.50955	1.648

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả)

Kiểm định Durbin-Watson = 1.648 là một chỉ số kiểm tra sự tương quan tự động của phần dư (residuals). Giá trị này nằm gần 2, cho thấy không có sự tương quan dương hay âm mạnh giữa các phần dư, tức là không có hiện tượng tự tương quan trong mô hình này. Điều này cho thấy các giả định của mô hình hồi quy không bị vi phạm, giúp kết quả đáng tin cậy hơn. Nhìn chung, mô hình này có tính phù hợp và đáng tin cậy để sử dụng trong việc dự đoán độ chính xác của thông tin tài chính dựa trên các yếu tố như chức năng, tính năng của phần mềm kế toán, hệ thống kế toán, và chi phí lệch.

Kiểm định F cho mức độ phù hợp của mô hình nghiên cứu với giả thuyết:

H_0 : $R^2 = 0$ (Mô hình hồi quy không phù hợp)

H_1 : $R^2 \neq 0$ (Mô hình hồi quy phù hợp)

Bảng 7: Kiểm định F cho mức độ phù hợp của mô hình

ANOVA					
	Tổng phương sai	df	Bình phương trung bình	F	Sig.
Tổng bình phương hồi quy	43.994	4	10.999	42.361	.000
Tổng bình phương sai số	39.984	154	0.260		
Tổng cộng	83.979	158			

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả)

Giá trị F là 42.361 cho thấy sự khác biệt giữa tổng phương sai của mô hình hồi quy và phương sai còn lại của mô hình. Điều này thể hiện rằng các biến độc lập (HTKT, GDDU, CPLE, CNTN) có ảnh hưởng đáng kể đến biến phụ thuộc DCCTC. Với mức ý nghĩa Sig. = 0.000 nhỏ hơn 0.05 nên chấp nhận H_1 , bác bỏ H_0 . Cho thấy rằng mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê. Điều này có nghĩa là xác suất để xảy ra sai rất thấp, và có thể kết luận rằng mô hình hồi quy này phù hợp với dữ liệu.

Dựa trên kết quả kiểm định F, mô hình hồi quy với các biến độc lập HTKT, GDDU, CPLI, CNTN có mức độ phù hợp tốt với dữ liệu. Các biến này đều có tác động đáng kể đến mức độ chính xác thông tin tài chính (DCCTC). Vì vậy, giả thuyết nghiên cứu của bạn, rằng việc sử dụng phần mềm kế toán có ảnh hưởng đến mức độ chính xác thông tin tài chính, được hỗ trợ bởi kết quả này. Và cũng thể hiện các giá trị t - statistic và p-value để thể hiện ý nghĩa thống kê của mỗi hệ số. Giá trị p-value đều bé hơn 0.05 nên các hệ số đều có mức ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5%. Điều này đồng nghĩa rằng các biến: Chức năng tính năng, Giao diện và tính dễ sử dụng, Chi phí và lợi ích kinh tế và Mức độ hỗ trợ kỹ thuật đều tác động đến biến Độ chính xác của thông tin tài chính. Bên cạnh đó Các giá trị **Tolerance** từ 0.687 đến 0.928 đều lớn hơn 0.1 và giá trị **VIF** từ **1.078 đến 1.456** đều nhỏ hơn 10, cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập. Điều này khẳng định tính ổn định và tin cậy của mô hình hồi quy.

Bảng 8. Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính

	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa	t	Sig.	Kiểm định đa cộng tuyến	
	Hệ số hồi quy	Sai số chuẩn	Hệ số hồi quy			Tolerance	VIF
Hằng số	- 0.094	0.333		- 0.281	0.779		
CNTN	0.345	0.064	0.361	5.377	0.000	0.687	1.456
GDDU	0.372	0.083	0.259	4.493	0.000	0.928	1.078
CPLI	0.184	0.054	0.220	3.375	0.001	0.730	1.370
HTKT	0.173	0.059	0.186	2.957	0.004	0.780	1.282

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả)

Qua đó, mô hình hồi quy tuyến tính có thể viết được dưới dạng như sau:

$$DCCTC = -0.094 + 0.345 * CNTN + 0.372 * GDDU + 0.184 * CPLI + 0.173 * HTKT + \varepsilon$$

Tiếp tục với mô hình hồi quy với các hệ số hồi quy được chuẩn hóa có dạng:

$$DCCTC = 0.361 * CNTN + 0.259 * GDDU + 0.220 * CPLI + 0.186 * HTKT + \varepsilon$$

Dựa trên mô hình hồi quy tuyến tính với các hệ số hồi quy chuẩn hóa, tất cả các yếu tố này đều có tác động tích cực đến độ chính xác thông tin tài chính (DCCTC).

6. KẾT LUẬN

Những thay đổi trong công nghệ thông tin (CNTT) đã khiến các tổ chức theo kịp các hồ sơ kế toán chính xác và cập nhật. Phần mềm kế toán giúp các tổ chức cập nhật tất cả thông tin tài chính bằng cách truy cập ngay vào dữ liệu tài chính chính xác, theo thời gian thực, nó cung cấp khả năng hiển thị hiệu suất hoạt động và tình hình tài chính của công ty. Phần mềm kế toán giúp tạo báo cáo nhanh chóng và dễ dàng. Nó

cũng giúp tăng chức năng, cải thiện độ chính xác, xử lý nhanh hơn và báo cáo bên ngoài tốt hơn về hiệu suất kinh doanh tổng thể do đó việc lựa chọn các thành phần kỹ thuật có liên kết phù hợp – thiết bị đầu vào và đầu ra, bộ lưu trữ thông tin và bộ xử lý; và sau khi xem xét sâu sắc tất cả các ưu và nhược điểm của phần mềm kế toán. Tuy nhiên, việc sử dụng các phần mềm sẵn có từ các đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm kế toán đi kèm với các gói dịch vụ tập huấn, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật đã giúp các doanh nghiệp tiết kiệm chi phí song yếu tố bảo mật cũng thông tin sẽ không được đảm bảo bởi sự tính thuận tiện và dễ sử dụng của sản phẩm dịch vụ. Và cũng chính vì vậy, kết quả kiểm định đã cho biết “Chức năng và tính năng” của phần mềm kế toán là nhân tố có tác động mạnh nhất; còn “Hỗ trợ kỹ thuật từ nhà cung cấp” có tác động thấp nhất đến độ chính xác thông tin tài chính tại đơn vị khảo sát.

Như vậy, một phần mềm kế toán phù hợp cần phải có khả năng tùy biến cao, tích hợp tốt với các hệ thống khác và cung cấp các tính năng cần thiết để hỗ trợ hiệu quả công tác kế toán. Trong quá trình cung cấp phần mềm kế toán cho đơn vị khách hàng các công ty cung cấp dịch vụ phần mềm cần lưu ý đến những đặc điểm của mỗi doanh nghiệp như quy mô doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, khối lượng giao dịch và các yêu cầu đặc thù của doanh nghiệp hay đặc điểm hệ thống và nguồn lực, yêu cầu quản lý tài chính riêng biệt để thực hiện chức năng tư vấn hiệu quả. Việc sử dụng những phần mềm có sẵn như Misa, Faszt, Bravo,... trên thị trường sẽ giúp các doanh nghiệp dễ học, dễ vận hành và tiết kiệm được chi phí nhưng cách thức vận hành mang tính đại trà sẽ khó đạt được tính bảo mật cao. Do đó, bản thân mỗi khách hàng doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán từ đơn vị cung cấp cần nhắc và đánh giá kỹ lưỡng các tính năng và khả năng của phần mềm để đảm bảo rằng nó đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài chính và kế toán của đơn vị. Ngoài ra, doanh nghiệp nên tham khảo ý kiến từ các chuyên gia hoặc các doanh nghiệp khác đã sử dụng phần mềm để có cái nhìn tổng quan và khách quan hơn. Việc thử nghiệm phần mềm trong một khoảng thời gian ngắn trước khi quyết định mua cũng là một cách hữu ích để đảm bảo phần mềm đáp ứng được nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Nghiên cứu hiện tại đã chỉ ra rằng điều quan trọng là các công ty phải xác định những yêu cầu đặc trưng trong quản trị tài chính của đơn vị và gắn kết sự tương thích với phần mềm kế toán nào lựa chọn sao đáp ứng nhu cầu kế toán và quản lý và đó cũng là lý do kết quả kiểm định từ khảo sát thu được khẳng định “Chức năng và tính năng” của phần mềm kế toán là nhân tố có tác động mạnh nhất đến độ chính xác của thông tin trình bày trên báo cáo tài chính.

Tài liệu tham khảo

- Adel, A.& Abdallah, J. (2013). *The impact of using accounting information systems on the quality of financial statements*, European Scientific Journal December 2013 /SPECIAL/ edition vol.1 ISSN: 1857 – 7881 (Print) e - ISSN 1857-743
- Al-Delawi A.S, S. A., & Ramo, M. W. (2020). *The impact of accounting information system on performance management*. Journal of Management Studies.
- Al-Dalaien, B., & Khan, N. (2018). *Effect of Accounting Information System on Financial Performance: A Study of Selected Real Estate Companies in Jordan*. International Journal of Current Engineering and Scientific Research (IJCESR), 4, 23-26
- Bhimani A and Willcocks L (2014). *Digitisation, 'Big Data' and the transformation of accounting information*. Accounting and business research, 44(4): 469-490.
- Cragg, P. B., King, M., & Hussin, H. (2002). IT alignment and firm performance in small manufacturing firms. Journal of Strategic Information System, 11(2), 109–132.
- Chong, Y., & Nizam, I. (2018). *The Impact of Accounting Software on Business Performance*. International Journal of Information System and Engineering, 6(1).
- Chu Thị Thương, Nguyễn Thị Minh Hằng, Phan Thị Huyền, Lê Văn Tuấn, Phan Thị Bích Ngọc. (2022). *Mối quan hệ giữa tin học hóa kế toán và hiệu quả công việc của nhân viên kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing, 91-93.
- Đào Thị Thúy Hằng (2022), *Các hình thức gian lận trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp và hàm ý cho Việt Nam*. Tạp chí Tài chính, 1, 12-15;
- Nguyễn Diên Duẩn. (2022). *Yếu tố tác động đến việc sử dụng phần mềm kế toán online của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh*. Tạp chí Tài Chính.
- Ganyam, A.I. & Ivungu, J.A. (2019). *Effect of Accounting Information System on Financial Performance of Firms: A Review of Literature*, IOSR Journal of Business and Management (IOSR-JBM) e-ISSN: 2278-487X, p-ISSN: 2319-7668. 21(5) 39-49 www.iosrjournals.org DOI: 10.9790/487X-2105073949
- Gulin & ctg (2019), “*Digitalization and the challenges for the Accounting Profession*”, Research Innovation Conference, Rovinj, Croatia, 12-214 September, 2019
- Hashmicro. (2019). *The Importance of Accounting Software for businesses*. In Kanya (Ed.), Businessstech. ERP and Business Management Blog.

TÁC ĐỘNG GIÁ TRỊ SỬ DỤNG CỦA PHẦN MỀM KẾ TOÁN...

- Kumar, J. (2019). The impact of accounting software on business performance of firms in Coimbatore district, Tamilnadu. *JETIR*, 6(5), 1–8
- Ismail, N.A. and King, M., (2014). *Factors influencing the alignment of accounting information systems in small and medium sized Malaysian manufacturing firms*. *Journal*
- Moses K. Nzyoka (2021)**, *Impact of Accounting Software on Financial Reporting Quality in SMEs in Kenya*, *International Journal of Economics and Business Administration*, 8(3): 478-488
- M.I. Ajay Adhikari, “Firm characteristics and selection of international accounting software,” *Journal of International Accounting and Taxation*, 13(1), 59–63, 2004
- Patricia, C.D. (2022). Effect of computerized accounting system on organisational. *British Journal of Management and Marketing Studies*, 5(3), 66–88
- Fadzilah, N. S. (2017). *The Impact of Accounting Software on Business Performance*. *International Journal of Accounting & Business Management*
- J.K.S. J.G. Siegel, *Dictionary of Accounting Terms*, Third Edit, 2000
- Romney, M. B, & Steinbart, P.J. (2012). *Accounting Information Systems*, Prentice Hall Business Publishing, 2012, 12th Edition, P 26
- Vasarhelyi MA, Kogan A, and Tuttle BM (2015). *Big data in accounting: An overview*. *Accounting Horizons*, 29(2): 381-396. <https://doi.org/10.2308/acch-51071>
- Vũ Quốc Thông & cộng sự (2023). *Các nhân tố tác động đến sự lựa chọn phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp: Trường hợp nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh*. *Tạp chí Công Thương*.
- Wang D and Shao X (2024). *Research on the impact of digital-transformation on the production efficiency of manufacturing enterprises: Institution-based analysis of the threshold effect*. *International Review of Economics and Finance*, 91: 883-897. <https://doi.org/10.1016/j.iref.2024.01.046>
- Wickramsainghe, D.P. (2017). *Impact of accounting software for business*. *Imperial Journal of Interdisciplinary Research*, 3(5), ISSN: 2454–1362

FACTORS AFFECTING THE USE VALUE OF ACCOUNTING SOFTWARE ON THE ACCURACY OF FINANCIAL INFORMATION IN BUSINESS ORGANIZATION

NGUYEN THI MAI HUONG*, NGUYEN KHANH NGOC

Ho Chi Minh University of Banking

*Corresponding author: huongntm@@hub.edu.vn

Abstract: In the digital age, as social media continues to grow, influencer marketing is gradually becoming an inevitable trend in promoting products to consumers, especially cosmetics and beauty products. The objective of this study is to examine the impact of influencer marketing factors on consumers' intention to purchase cosmetics in Ho Chi Minh City. To achieve the research objectives, consumer behavior theory is used to develop the research model. The sample survey data consists of 183 consumers aged 15 and over who have viewed cosmetic product advertisements through influencers. Multiple regression models are used to test the research hypotheses. The results of the study indicate that three influencer marketing factors have the strongest impact on consumers' intention to buy cosmetic products: "Expertise," "Information Quality," and "Trustworthiness" of the influencer. Managerial implications have been developed to help marketing managers make the best choices for their brands when using influencer marketing strategies.

Keywords: accounting software, financial information, financial information accuracy.

Ngày nhận bài: 24/01/2025

Ngày chấp nhận đăng: 24/02/2025